

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

I. Căn cứ xây dựng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018, Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018, Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Thực hiện Chương trình 04-CTr/TU ngày của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành Nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025”.

II. Sự cần thiết ban hành chính sách

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định: (1) Tốc độ tăng trưởng nông, lâm nghiệp và thủy sản: 2,5-3,0%. (2) Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cấp Thành phố, triển khai mạnh mẽ nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; (3) Phát triển nhanh và bền vững. Quản trị xã hội hiệu quả; bảo đảm an sinh xã hội, không

ngừng nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô, giảm chênh lệch mức sống giữa khu vực đô thị và nông thôn; (4) Tiếp tục đẩy mạnh chất lượng xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo cho được chuyển biến căn bản đối với các vấn đề dân sinh cấp bách về giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông. (5) Tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách.

Cơ cấu kinh tế ngành nông, lâm thủy sản chiếm tỷ trọng không lớn, nhưng những đóng góp của khu vực nông nghiệp và nông thôn Thành phố đã và đang tiếp tục khẳng định vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, ổn định đời sống nhân dân khu vực nông thôn (với khoảng 50% dân số đang sinh sống tại khu vực nông thôn Thành phố), góp phần ổn định chính trị xã hội.

Thời gian qua, HĐND Thành phố đã ban hành một số Nghị quyết khuyến khích phát triển nông nghiệp nông thôn như: Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố. Việc triển khai các Chính sách của Trung ương, Nghị quyết của HĐND Thành phố đã góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp nông thôn trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, một số nội dung của chính sách còn triển khai chậm, bên cạnh đó ngành nông nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức như thiên tai, dịch bệnh, đồng thời thực tế sản xuất nông nghiệp hiện nay còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa hình thành được các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn một cách đồng bộ. Việc thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp còn thấp, các liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ sản phẩm còn ít.

Để đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu Chương trình 04 của Thành ủy và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 và "Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050" và hoàn thành mục tiêu chuyển đổi nông nghiệp từ "tư duy sản xuất" sang "tư duy kinh tế", hướng tới giá trị an toàn, bền vững việc ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội là rất cần thiết.

III. Mục tiêu ban hành chính sách

- Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương và Thành phố về khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Thành phố, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu Đảng bộ Thành phố đã đề ra, đáp ứng điều kiện thực tiễn sản xuất nông nghiệp của Thành phố.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, hộ gia đình huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất, từng bước xây dựng nền nông nghiệp Thủ đô phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa, bền vững, thân thiện môi trường.

- Góp phần hoàn thành các mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2025 và những năm tiếp theo, cụ thể như sau:

- + Thu nhập bình quân trên 1 ha đất nông nghiệp đạt 200 triệu đồng/ha/năm.
- + Tốc độ tăng trưởng giá trị ngành nông nghiệp bình quân từ 2,5-3%/năm.
- + Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên 70%.
- + Tỷ lệ giá trị sản phẩm sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt hoặc tương đương đạt trên 30%.
- + Tỷ lệ giá trị sản xuất trồng trọt tăng 0,4-0,7%/năm trở lên; Tỷ lệ giá trị sản phẩm trồng trọt được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt 30-40%.
- + Tỷ lệ giá trị sản xuất chăn nuôi tăng từ 3-4%/năm; sản phẩm chăn nuôi được sản xuất theo chuỗi liên kết trên 50%.
- + Tỷ lệ giá trị sản xuất thủy sản tăng bình quân mỗi năm từ 3-4%; sản xuất con giống chất lượng cao đáp ứng đủ nhu cầu trên địa bàn Thành phố.
- + Tốc độ tăng giá trị nông sản qua chế biến đạt khoảng 5-7%/năm; trên 20% số cơ sở chế biến nông lâm thủy sản đảm bảo đúng quy định về an toàn thực phẩm, có áp dụng chương trình quản lý chất lượng tiên tiến HACCP, ISO, ...
- + Phát triển chế biến các sản phẩm nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh tập trung.
- + Tập trung phát triển sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; xây dựng Hà Nội thành Trung tâm sản xuất giống công nghệ cao; sản lượng giống hàng năm đạt 450 ngàn liều tinh bò chất lượng cao/năm; 750 ngàn liều tinh lợn/năm; 100 triệu con gia cầm/năm; 1.500 triệu con giống thủy sản/năm.

IV. Quan điểm, nguyên tắc xây dựng chính sách

1. Chính sách hỗ trợ của Thành phố tập trung vào một số khâu, lĩnh vực nhằm thúc đẩy các tổ chức, cá nhân huy động nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, hướng tới sản xuất nông nghiệp Ứng dụng công nghệ cao, hiện đại hoá nông nghiệp, phát triển nông nghiệp của Thủ đô có trọng tâm, trọng điểm, bền vững, đảm bảo vệ sinh môi trường; gia tăng giá trị sản xuất nông nghiệp hướng tới nền nông nghiệp đa giá trị.
2. Chính sách của Thành phố tập trung hỗ trợ cho phát triển các đối tượng cây trồng, vật nuôi, thủy sản có lợi thế, có năng suất, giá trị gia tăng cao như: Sản xuất rau, hoa, quả, chè, chăn nuôi bò sữa, bò thịt, lợn, nuôi trồng thủy sản; hiện đại hóa nông nghiệp; bảo vệ môi trường; phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với du lịch, trải nghiệm.
3. Việc xây dựng chính sách hỗ trợ dựa trên cơ sở các chính sách hiện hành, các chủ trương của Trung ương, Thành phố, có lộ trình phù hợp với nguồn lực, điều kiện thực tế sản xuất nông nghiệp của Thủ đô, thuận lợi trong việc triển khai thực hiện, tuân thủ các quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và đảm bảo thực hiện đạt được các mục tiêu đề ra về phát triển nông nghiệp của Thành phố.
4. Việc xây dựng chính sách đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định và thuận lợi trong quá trình triển khai để chính sách sớm đi vào thực tiễn sản xuất và đảm bảo thực hiện đạt được các mục tiêu đề ra về phát triển nông nghiệp của Thành phố.

V. Nội dung: “Nghị quyết ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội”

UBND Thành phố đề xuất nội dung các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

(1) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường

(2) Chính sách khuyến khích sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản

(2.1) Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản

(2.2) Hỗ trợ nhập khẩu giống vật nuôi, thủy sản

(3) Chính sách khuyến khích xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản

(4) Chính sách hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

(5) Chính sách thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp

(5.1) Hỗ trợ tín dụng

(5.2) Hỗ trợ mua máy cấy, thiết bị bay không người lái phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa

(5.3) Hỗ trợ kinh phí cây máy, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái

(6) Chính sách chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản

(6.1) Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi

(6.2) Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, thủy sản tại các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung

(7) Chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

(8) Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

(9) Chính sách hỗ trợ cấp mã số vùng trồng

(10) Chính sách hỗ trợ máy móc, thiết bị để chuyển đổi số trong nông nghiệp

(11) Chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp

(12) Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình điểm phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm

(Có Dự thảo Nghị quyết và báo cáo giải trình lý do đề xuất kèm theo)

VI. Về thủ tục hành chính

Không quy định thủ tục hành chính trong việc thực hiện các chính sách. Lý do cụ thể như sau:

1. Việc hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân để khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Thành phố quy định trong Nghị quyết là nhiệm vụ triển khai theo Kế hoạch hàng năm, do vậy, khi quy định thủ tục hành chính để triển khai sẽ gặp một số khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

- Đối với thủ tục hành chính bắt buộc phải quy định thời gian giải quyết, tuy nhiên, hỗ trợ trong lĩnh vực nông nghiệp không xác định được thời gian trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Vì vậy, khi công dân, tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính về các chế độ khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, chưa rõ ngày hẹn trả kết quả cho công dân, tổ chức, gây thời gian chờ đợi, phản ứng “ngược” đối với công dân, tổ chức là người thực hiện thủ tục hành chính để thụ hưởng các chính sách.

Ví dụ: tổ chức, cá nhân có đơn đề nghị hỗ trợ, cơ quan thực hiện hỗ trợ tiếp nhận, kiểm tra, rà soát, tổng hợp, xây dựng kế hoạch, dự toán, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ vào kế hoạch được phê duyệt tiến hành hỗ trợ. Quá trình này mất nhiều thời gian và phụ thuộc vào khả năng cân đối ngân sách của nhà nước. Vì vậy, không xác định được chính xác thời gian trả kết quả.

- Theo quy định của thủ tục hành chính tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa, tuy nhiên việc hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp do cơ quan được giao thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện thụ hưởng chính sách.

2. Sản xuất nông nghiệp có tính chất mùa vụ vì vậy cần phải có kế hoạch cụ thể để chủ động giống, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất. Do vậy, Nghị quyết quy định UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan được giao thực hiện chính sách xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phát triển nông nghiệp trên địa bàn Thành phố, lập dự toán ngân sách hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách để triển khai thực hiện chính sách. Đồng thời giao cơ quan thực hiện chính sách xây dựng quy trình nội bộ thực hiện hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định.

3. Qua ý kiến góp ý về dự thảo Nghị quyết của một số địa phương thì việc phát sinh thủ tục hành chính sẽ mất rất nhiều thời gian và khó khăn để thực hiện chính sách. Ví dụ như: tại văn bản góp ý số 50/UBND-KT ngày 20/3/2023 của UBND huyện Mê Linh có nêu "*Đề nghị không áp dụng thủ tục hành chính*".

Từ những lý do nêu trên, UBND Thành phố xác định không quy định thủ tục hành chính tại Nghị quyết.

VII. Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách

1. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách trên địa bàn Thành phố là khoảng 1.124 tỷ đồng/năm. Trong đó:

- Ngân sách Thành phố: 315,3 tỷ đồng/năm. Trong đó:
 - + Thành phố thực hiện: 134,8 tỷ đồng/năm.
 - + Cấp bổ sung cho ngân sách cấp huyện: 180,5 tỷ đồng/năm.
- Ngân sách cấp huyện: 43,8 tỷ đồng/năm.
- Nguồn kinh phí đối ứng từ các tổ chức, cá nhân: 764,9 tỷ đồng/năm

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hàng năm Thành phố và các quận, huyện, thị xã có thể bố trí tăng thêm kinh phí hỗ trợ tùy vào khả năng cân đối ngân sách để thực hiện chính sách.

Trên đây là nội dung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết./.

Nơi nhận: *như*

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND TP;
(để báo cáo);
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các sở: NN&PTNT, TC, KH&ĐT;
- Các Ban HĐND TP;
- VP: Thành ủy, ĐDBQH và HĐND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng CV VPUBND TP;
- Lưu VT, KTN.

54

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền

PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐỀ XUẤT

Nghị quyết ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thành phố Hà Nội

(Kèm theo Tờ trình số: **189**/TTr-UBND ngày **16** /**6** /2023 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	Một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn thành phố Hà Nội đến năm 2030	Quy định của Trung ương và Thành phố	Lý do đề xuất
1	Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: - Đơn vị, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao tập huấn theo kế hoạch, dự toán hàng năm. - Giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật tham gia giảng dạy; cán bộ quản lý lớp tập huấn. - Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động trực tiếp trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình sản xuất, chế biến, bảo quản, liên kết chuỗi sản phẩm nông nghiệp. Mỗi học viên được hỗ trợ tham gia 01 lần/01 nội dung tập huấn. b) Nội dung và mức hỗ trợ: - Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp tập huấn; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện đi thực tế, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp tập huấn; vật tư thực hành (nếu có): Mức chi theo đơn giá, định mức chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm	- Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 5/12/2018 của HĐND Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội; - Căn cứ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố. - Căn cứ Quyết định số 697/QĐ-BVTV-TV của Cục Bảo vệ thực vật ngày 19/3/2018 về việc ban hành nội dung và chương trình khung lớp huấn luyện nông dân và đào tạo giảng viên về quản lý dịch hại tổng hợp trên cây trồng;	- Kết quả thực hiện từ năm 2019 – 2022 Thành phố đã tổ chức 1.964 lớp tập huấn sản xuất nông nghiệp, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường tại các huyện, thị xã với 81.302 học viên tham dự. - Qua các lớp tập huấn cho thấy phương thức tập huấn được đổi mới: Nội dung tập huấn thực hiện trên cơ sở đáp ứng nhu cầu thực tế tại các vùng, các huyện; chuyển từ tập huấn thụ động sang phương pháp trao đổi, tọa đàm nên thu hút được người tham dự; đổi mới phương thức trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng trọt theo hướng an toàn và ứng dụng khoa học kỹ thuật như xử lý môi trường, chế phẩm sinh học, sử dụng thức ăn phối trộn, thức ăn sinh học trong chăn nuôi; áp dụng vào thực tiễn trong việc chăm sóc, phòng trừ các loại sâu bệnh cho cây trồng tại gia đình và truyền đạt, phổ biến cho gia đình khác về kỹ thuật sản xuất đạt hiệu quả cao nhất... qua đó giúp các hộ nông dân nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng. Đồng thời các hộ cũng nắm được các chủ trương, chính sách của Trung ương và Thành phố trong công tác phát triển chăn nuôi.

quyền ban hành hoặc theo hợp đồng thực tế. - Chi bồi dưỡng giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học): + Giảng viên là tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh, thành phố trả tiền công giảng dạy mức 1.200.000 đồng/buổi. + Giảng viên có trình độ thạc sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp hoặc tương đương trả tiền công giảng dạy mức 1.000.000 đồng/buổi. + Giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật có trình độ kỹ sư và tương đương trả tiền công giảng dạy, mức 600.000 đồng/buổi. - Chi hỗ trợ cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn 50.000 đồng/ngày/học viên. Hỗ trợ tiền đi lại đối với học viên học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên theo mức 150.000 đồng/học viên/lớp tập huấn. - Thời gian tập huấn: Tối đa không quá 03 ngày/lớp. Đối với các lớp tập huấn đã quy định trong chương trình khung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Nội dung và thời gian thực hiện theo Chương trình khung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Huyện, Thành phố.		thủy sản, trồng trọt; cách thức xây dựng, quản lý và phát triển từ sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm. Mặt khác, giúp kết nối người nông dân với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp mở ra cơ hội hình thành các chuỗi liên kết khép kín từ chăn nuôi đến tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy tiếp tục đề xuất để thực hiện. - Đồng thời bổ sung hỗ trợ theo khung chương trình của Bộ Nông nghiệp và PTNT do khung của Bộ chỉ quy định nội dung và thời gian hỗ trợ không quy định mức hỗ trợ. - Đối với nội dung hỗ trợ đi lại: Để thống nhất 01 mức hỗ trợ, đề xuất hỗ trợ theo mức khoán 150.000 đồng/học viên/lớp tập huấn. - Về phương thức thực hiện: Giao cấp huyện thực hiện là chính để chủ động tổ chức tập huấn cho đại đa số người dân. Cấp Thành phố chỉ thực hiện theo các chương trình, kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt.
---	--	--

2	Chính sách khuyến khích sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản		
2.1	Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản 1. Hỗ trợ tín dụng a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn Thành phố, đáp ứng các điều kiện về sản xuất giống theo quy định của pháp luật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. b) Nội dung và mức hỗ trợ: Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tiền độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng. c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.	- Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND Thành phố ngày 5/12/2018	- Tại Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND Thành phố ngày 5/12/2018 quy định hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản gồm 02 nội dung hỗ trợ: + Hỗ trợ theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 + Được hỗ trợ 100% lãi suất theo mức lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh thành phố Hà Nội tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng vay vốn, thời hạn tối đa là 3 năm, mức vay được hỗ trợ tối đa 70% giá trị đầu tư của dự án Đề xuất không thực hiện hỗ trợ theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018. Lý do: Nghị định 57 ban hành từ năm 2018 đến thời điểm hiện tại trên địa bàn Thành phố chưa hỗ trợ được cơ sở nào, đồng thời Chính phủ đang giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, điều chỉnh Nghị định 57. - Nội dung hỗ trợ lãi suất: Mức hỗ trợ giữ nguyên theo Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND và đề xuất mức vay theo hợp đồng vay vốn thay cho mức vay 70% giá trị đầu tư của dự án để khuyến khích các tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư về sản xuất giống. * Cập nhật văn bản mới: - Cập nhật Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi, Luật Thủy sản thay thế Pháp lệnh Giống vật nuôi và

			Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm hết hiệu lực;
	2. Hỗ trợ theo Quyết định 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ Tài Chính về quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất trong chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp. b) Nội dung và mức hỗ trợ: Áp dụng nội dung và mức hỗ trợ cao nhất theo quy định tại Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ Tài Chính; Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.	- Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030” - Thông tư 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “phát triển sản xuất giống” theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030. - Thông tư 107/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030.	- Cập nhật văn bản mới của Trung ương: Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thông tư 107/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 11/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT, ngày 01/3/2012 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư - Tại Điều 6 Thông tư 107/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ Tài chính quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương...”.
2.2	Hỗ trợ nhập khẩu giống vật nuôi, thủy sản a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức nhập khẩu giống vật nuôi, thủy sản để sản xuất giống trên địa bàn Thành phố đáp ứng các điều	-- Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ Tài Chính về quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất	- Tại điểm 1.2, khoản 1, Điều 5 Thông tư 107/2021/TT-BTC quy định hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống vật nuôi, như vậy theo quy định của Thông tư được hiểu việc hỗ trợ chi phí gồm:

kiện về sản xuất giống theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thủy sản. b) Nội dung và mức hỗ trợ: - Đối với chăn nuôi: Hỗ trợ 50% kinh phí nhập khẩu giống bò thuần chủng, giống lợn cụ kỵ, ông bà năng suất chất lượng cao tối đa không quá 5 tỷ đồng/ doanh nghiệp, hợp tác xã. Mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 lần. - Đối với thủy sản: Hỗ trợ 50% kinh phí nhập khẩu giống gốc thủy sản thuần chủng, giống thủy sản bố mẹ tối đa không quá 1 tỷ đồng/ doanh nghiệp, hợp tác xã. Mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 lần. c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.	trong chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030: (đối với các dự án về giống được cấp có thẩm quyền phê duyệt), trong đó: “Điều 5. Nội dung ngân sách trung ương đảm bảo kinh phí, hỗ trợ một phần kinh phí 1. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia 1.1 Ngân sách trung ương đảm bảo tối đa 100% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành khác quản lý và tổ chức thực hiện, căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm: a) Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có” - Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2021 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “ Phát triển sản xuất giống theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ”; trong đó, tại mục 4, điều 4 khoản a): “Đầu tư cho đơn vị nhập nội công nghệ sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản theo giá trị chuyển nhượng bản quyền”.	thuê đất, xây dựng hạ tầng cơ sở, mua giống, trang thiết bị vật tư, điện nước, nhân công,... Để hỗ trợ được theo quy định cần xây dựng quy trình, định mức, đơn giá để làm cơ sở hỗ trợ (việc này tốn nhiều thời gian từ 2 năm trở lên). Để đạt được mục tiêu phát triển sản xuất giống xây dựng Hà Nội thành Trung tâm sản xuất, cung cấp cho các tỉnh lân cận và đảm bảo chính sách sớm được thực hiện nên đề xuất hỗ trợ 50% kinh phí nhập khẩu con giống. - Về mức trần hỗ trợ: Theo tính toán thực tiễn của Sở Nông nghiệp và PTNT và báo giá của các đơn vị nhập khẩu con giống. + Đối với hỗ trợ giống lợn: Theo tính toán của Sở Nông nghiệp và PTNT: Đối với đầu tư chăn nuôi lợn giống ông bà để sản xuất con giống bố mẹ, quy mô 100 lợn nái, tổng mức đầu tư khoảng 15 tỷ đồng, trong đó, chi phí mua giống (mức 100 triệu/con) chiếm 75% (khoảng 10 tỷ), do đó, mức hỗ trợ đề xuất hỗ trợ một lần 50% kinh phí mua giống lợn nhập ngoại cụ kỵ, ông bà không quá 5 tỷ đồng/1 cơ sở. - Đối với hỗ trợ giống thủy sản: Theo tính toán của Sở Nông nghiệp và PTNT, để thay đàn và nâng cao tỷ lệ con giống thủy sản bố, mẹ thuần, mỗi cơ sở sản xuất giống thủy sản cần bổ sung 1.000 cá chép bố, mẹ thuần; 5.000 cá rô phi bố, mẹ thuần; tổng kinh phí khoảng 2 tỷ đồng; do đó, mức hỗ trợ đề xuất hỗ trợ một lần 50% kinh phí mua giống thủy sản là không quá 1 tỷ đồng/1 cơ sở.
---	--	---

3	Chính sách khuyến khích xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản 1. Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân cải tạo, nâng cấp, xây mới cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản theo quy hoạch đáp ứng các điều kiện về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường. 2. Nội dung và mức hỗ trợ: Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tiến độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng. 3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.	Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 5/12/2018 của HĐND Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội.	- Tại Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND Thành phố ngày 5/12/2018 quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản gồm 02 nội dung hỗ trợ: + Hỗ trợ theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 + Được hỗ trợ 100% lãi suất theo mức lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh thành phố Hà Nội tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng vay vốn, thời hạn tối đa là 3 năm, mức vay được hỗ trợ tối đa 70% giá trị đầu tư của dự án Đề xuất không thực hiện hỗ trợ theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018. Lý do: Nghị định 57 ban hành từ năm 2018 đến thời điểm hiện tại trên địa bàn Thành phố chưa hỗ trợ được cơ sở nào, đồng thời Chính phủ đang giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, điều chỉnh Nghị định 57. - Nội dung hỗ trợ lãi suất: Mức hỗ trợ giữ nguyên theo Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND và đề xuất mức vay theo hợp đồng vay vốn thay cho mức vay 70% giá trị đầu tư của dự án để khuyến khích các tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư về sơ chế, chế biến nông sản.
4	Chính sách hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung 1. Đối tượng, điều kiện áp dụng: - Đối với hỗ trợ lãi suất: Các tổ chức, cá nhân xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ	- Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 5/12/2018 của HĐND Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng	1. Về đối tượng, điều kiện áp dụng: - Bổ sung điều kiện đối với hỗ trợ chi phí giết mổ để phù hợp với quy hoạch mạng lưới giết mổ gia súc, gia cầm của Thành phố và khuyến khích giết mổ tập trung, quy mô lớn.

tập trung, công nghiệp. - Đối với hỗ trợ chi phí giết mổ: Các tổ chức, cá nhân có cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp, bán công nghiệp trong “Mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội”, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Có sản lượng giết mổ thực tế đạt tối thiểu: 2.000 con lợn/tháng hoặc 10.000 con gia cầm/tháng hoặc 500 con trâu, bò/tháng. 2. Nội dung và mức hỗ trợ: - Đối với hỗ trợ lãi suất: Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tiền độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng. - Đối với hỗ trợ chi phí giết mổ: Các tổ chức, cá nhân có cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp, bán công nghiệp không được hỗ trợ lãi suất thì được hỗ trợ chi phí giết mổ tính trên đầu con gia súc, gia cầm trong thời hạn 3 năm (36 tháng): Mức hỗ trợ đối với giết mổ công nghiệp 25.000 đồng/con lợn, 80.000 đồng/con trâu, bò, 1.100 đồng/con gia cầm; đối với giết mổ bán công nghiệp 20.000 đồng/con lợn, 75.000 đồng/con trâu, bò, 1.000 đồng/con gia cầm. 3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng	nông thôn thành phố Hà Nội - Quyết định 21/2019/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành “Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cho các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội” - Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc phê duyệt Mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội.	2. Về nội dung hỗ trợ - Tại Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND Thành phố ngày 5/12/2018 quy định hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung gồm 02 nội dung hỗ trợ: + Hỗ trợ theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 + Đối với các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp, bán công nghiệp: Hỗ trợ 50% chi phí giết mổ tính trên đầu con gia súc, gia cầm ở năm thứ nhất, 40% ở năm thứ hai và 30% ở năm thứ ba. - Đối với nội dung hỗ trợ theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP: Đề xuất điều chỉnh hỗ trợ bằng lãi suất khi xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, tập trung, công nghiệp thay cho hỗ trợ theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018. Lý do: Nghị định 57 ban hành từ năm 2018 đến thời điểm hiện tại trên địa bàn Thành phố chưa hỗ trợ được cơ sở nào, đồng thời Chính phủ đang giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, điều chỉnh Nghị định 57. - Về hỗ trợ chi phí giết mổ: + Việc hỗ trợ chi phí giết mổ gia súc, gia cầm đã tạo nên những chuyển biến tích cực trong công tác quản lý giết mổ gia súc, gia cầm nói riêng và ngành chăn nuôi nói chung, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội; Giải quyết một phần khó khăn ban đầu
--	--	---

	thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.	cho các cơ sở giết mổ tập trung hiện nay (do chi phí đầu tư xây dựng đối với các cơ sở giết mổ công nghiệp, bán công nghiệp tập trung lớn), giúp tăng cường công tác kiểm soát, quản lý, tăng tỷ lệ sản phẩm giết mổ được kiểm soát và đảm bảo ATTP trên địa bàn Thành phố. Thúc đẩy các cơ sở giết mổ tập trung công nghiệp, bán công nghiệp đầu tư cải tạo, nâng cấp tiến tới vận hành tối đa công suất thiết kế, đảm bảo sản phẩm sau giết mổ được kiểm soát; đồng thời tạo động lực khuyến khích một số cơ sở giết mổ nâng cấp dây chuyền thiết bị. Tuy nhiên kết quả thực hiện thấp, chưa đạt được mục tiêu của Thành phố. + Việc hỗ trợ thực hiện theo quyết định số 7063/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt chi phí giết mổ gia súc, gia cầm. Tuy nhiên từ năm 2020 đến nay không thực hiện hỗ trợ do phải xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá giết mổ, do định mức kinh tế kỹ thuật giết mổ, việc xây dựng định mức giết mổ rất khó khăn do chưa có quy định của Bộ Nông nghiệp & PTNT, đồng thời mỗi cơ sở giết mổ thực hiện theo trình tự, cách thức, công nghệ khác nhau mặc dù đáp ứng điều kiện về quy hoạch cũng như đảm bảo vệ sinh thú y. + Đề xuất hỗ trợ trực tiếp bằng đơn giá giết mổ theo từng loại gia súc, gia cầm. Đồng thời, đề xuất tăng so với mức quy định tại Quyết định số 7063/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của UBND
--	---	---

			Thành phố dựa trên cơ sở tính toán theo chỉ số lạm phát (CPI) hàng năm.
5	Chính sách thực hiện cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp		
5.1	Hỗ trợ tín dụng. a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khi mua các loại máy móc, thiết bị cơ khí phục vụ sản xuất và chế biến trong nông nghiệp bao gồm: Máy làm đất; máy gieo cấy; máy gặt đập liên hợp; máy sấy; máy làm lạnh nhanh; máy nghiền; máy phun thuốc có động cơ; thiết bị bay không người lái, hệ thống tưới tiết kiệm; máy phát điện chạy bằng khí sinh học; máy vắt sữa; máy thái cỏ; hệ thống làm mát chuồng trại; hệ thống cho ăn tự động; thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường; thiết bị tạo oxy trong nuôi trồng thủy sản. b) Nội dung và mức hỗ trợ: 100% phí quản lý khi vay vốn Quỹ khuyến nông Thành phố, 100% lãi suất vay theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thời hạn vay tối đa là 03 năm (36 tháng), mức vay được hỗ trợ tối đa 100% giá trị sản phẩm. c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.	- Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 5/12/2018 của HĐND Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội - Quyết định 21/2019/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành “Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và mức chi cho các hoạt động khuyến công thành phố Hà Nội”	1. Về đối tượng, điều kiện: Bổ sung thêm một số máy móc, thiết bị mới so với Nghị quyết 10 như máy làm lạnh nhanh, máy nghiền, thiết bị bay không người lái để phù hợp với sản xuất, chế biến trong giai đoạn hiện nay. - Chính sách đã phát huy được hiệu quả, tỷ lệ cơ giới hóa toàn Thành phố đạt 100% diện tích được làm đất bằng máy; 90% diện tích lúa được thu hoạch bằng máy, đối với máy cấy mới có 323 máy cấy (trong đó có 276 máy cấy lúa 4 hàng, 33 máy cấy lúa 6 hàng và 14 máy cấy lúa 8 hàng), diện tích cấy lúa bằng máy đạt 4.638,6 ha, chiếm 2,54% diện tích. - Đề xuất hỗ trợ lãi suất trong vòng 3 năm: Để đảm bảo hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân khi đầu tư máy móc, thiết bị đến thời điểm hòa vốn, ví dụ như: Đầu tư 1 máy gặt đập liên hợp là 650 triệu, 1 năm sẽ thu được 225 triệu đồng (1 năm làm việc 50 ngày x 6 mẫu ruộng/ngày x 1,5 triệu đồng/mẫu = 450 triệu, chi phí bỏ ra là 3,2 triệu/ngày + khấu hao 65 triệu/năm; như vậy tiền lãi thu được mỗi năm là 225 triệu đồng), như vậy 3 năm thu lại được 675 triệu tương đương với vốn đầu tư ban đầu.
5.2	1. Hỗ trợ kinh phí mua máy cấy phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa	Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ tài chính quy định quản lý và sử dụng	1. Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức không nhận hỗ trợ theo Khoản 1 Điều này khi mua máy cấy, trực tiếp phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa. Cam kết sử dụng máy móc trong thời gian 3 năm (36 tháng), nếu bán phải hoàn lại phần kinh phí hỗ trợ của Nhà nước. b) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa không quá 50% kinh phí cho tổ chức đề đầu tư mới máy cấy. Kinh phí hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/máy cấy. Tối đa 10 máy cấy/tổ chức. c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện. Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách. 2. Hỗ trợ kinh phí cấy máy, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khi cấy lúa bằng máy và phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái. b) Nội dung, mức hỗ trợ: - Hỗ trợ 50% kinh phí cấy lúa bằng máy (công cấy), tối đa không quá 2 triệu đồng/ha, thời gian hỗ trợ tối đa không quá 2 vụ sản xuất liên tiếp/diện tích. - Hỗ trợ 50% kinh phí phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái (công phun), tối đa không quá 250 nghìn đồng/ha/lần phun, hỗ trợ tối đa không quá 2 lần/vụ và không quá 4 lần/diện tích.	kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, quy định tại Điều 12 về chi hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp “nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”	Bộ tài chính. 2. Nội dung hỗ trợ cụ thể: - Thực tế hiện nay, việc cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp của thành phố mới chỉ tập trung ở cây lúa với các khâu chủ yếu như: làm đất, thu hoạch và vận chuyển. Trong khi đó, khâu gieo cấy, khâu chăm sóc được xem là khâu quan trọng, quyết định cho việc tăng năng suất, sản lượng thì tỷ lệ áp dụng chưa cao. “Việc ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất trồng trọt được tăng cường, toàn Thành phố có 5.676 máy làm đất, 281 máy gieo cấy, 990 máy phun thuốc bảo vệ thực vật có động cơ, 877 máy gặt đập liên hợp; tỷ lệ cơ giới hóa về làm đất đạt 97%, gieo cấy 2,55%, phun thuốc bảo vệ thực vật có động cơ 46%, thu hoạch bằng máy 85%.” – Chu Phú Mỹ - đề tài: Đánh giá nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân của Thủ đô nhiệm kỳ Đại hội XVI (2015 – 2020) và định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”- Mã số: CT20/03-2018-2 - Chi phí mua máy cấy lớn từ 400 – 500 triệu đồng/máy, trong khi thời gian sử dụng 1 năm chỉ khoảng 20 ngày, thời gian máy rảnh rỗi rất lớn nên chi phí bảo dưỡng, bảo trì cao, việc chi hỗ trợ lãi suất khó thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư. Ví dụ như: Đầu tư 1 máy cấy 6 hàng là 500 triệu, 1 năm sẽ thu được 79 triệu đồng (1 năm làm việc 20 ngày x 2,5 ha/ngày x 4 triệu đồng/ha = 200 triệu, chi phí bỏ
--	--	--

	c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện. Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách.		ra là 3,55 triệu/ngày + khấu hao 50 triệu/năm; như vậy tiền lãi thu được mỗi năm là 79 triệu đồng chưa tính chi phí bảo dưỡng, bảo trì), như vậy để thu hồi được vốn đầu tư cần thời gian ít nhất từ 5 – 7 năm (gấp đôi máy gặt đập liên hợp). Nếu hỗ trợ lãi suất 03 năm thì chỉ hoàn vốn được xấp xỉ 50% nên khó thu hút được tổ chức, cá nhân đầu tư máy. Vì vậy đề xuất hỗ trợ 50% kinh phí mua máy cấy. - Đồng thời đề xuất hỗ trợ kinh phí cấy máy để khuyến khích các hộ nông dân cấy máy, nâng cao tỷ lệ cấy máy trên địa bàn Thành phố. 3. Mức hỗ trợ: - Mức hỗ trợ tối đa 50% áp dụng mức hỗ trợ quy định tại Thông tư 53/2022/TT-BTC; - Mức trần không quá 200 triệu đồng/máy dựa trên thực tế khảo sát giá máy cấy của một số công ty lớn trên địa bàn thành phố. - Hiện nay một số tỉnh như Hà Nam, Nghệ An hỗ trợ máy cơ giới hóa từ 20-30% giá trị máy móc, mức hỗ trợ từ 100-150 triệu đồng tùy từng chủng loại máy. Ninh Bình hỗ trợ 200 triệu đồng/máy. - Theo báo giá của HTX NN xã Bình Minh – huyện Thanh Oai, chi phí dịch vụ cấy máy là 4.000.000 đồng/ha, vì vậy đề xuất hỗ trợ 50% và không quá 2 triệu đồng/ha. Theo báo giá của HTX DV SXNN Đoàn Kết, dịch vụ phun thuốc BVTV là 500.000 đồng/ha, vì vậy đề xuất hỗ trợ 50% và không quá 250.000 đồng/ha.
--	--	--	---

6	Chính sách chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thủy sản		
6.1	Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân sử dụng các giống vật nuôi đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có phẩm cấp chất lượng từ giống xác nhận trở lên để thay thế các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng thấp hoặc chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, nằm trong chương trình, đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự toán thực hiện hàng năm. b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các chi phí thụ tinh nhân tạo (gồm: Liều tinh, Nitơ, dụng cụ phối giống, công phối giống) trên địa bàn Thành phố khi phối giống bằng tinh bò sữa, bò thịt chất lượng cao, tinh lợn giống cao sản. c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.	- Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 5/12/2018 của HĐND Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; - Thông tư 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. - Thông tư 4/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.	* Kết quả thực hiện hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu vật nuôi - Đối với bò thịt, bò sữa: Đã hỗ trợ chi phí thụ tinh nhân tạo với 99.000 liều tinh (53.500 liều tinh bò thịt, 45.500 liều tinh bò sữa), 79.500 lít nitơ, 99.000 bộ dụng cụ phối giống và 86.000 công phối giống với tổng kinh phí là 47.333 triệu đồng. - Đối với lợn: Đã hỗ trợ cho người chăn nuôi lợn 1.427.070 liều tinh lợn để thực hiện thụ tinh nhân tạo lợn trên địa bàn Thành phố với số tiền 56.155 triệu đồng. * Đánh giá kết quả thực hiện: Việc thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn Thành phố đã đẩy mạnh việc cải tạo đàn giống của Thành phố, từng bước phát triển sản xuất giống để cung cấp cho các tỉnh, thành phố trên cả nước. Tỷ lệ thụ tinh nhân tạo trên đàn bò cái sinh sản đạt gần 80%. Hà Nội tập trung sản xuất giống lợn bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, giảm dần đàn đực lợn giống trong dân, các cơ sở sản xuất tinh sản xuất được từ 300 - 500 nghìn liều/năm, tỷ lệ thụ tinh nhân tạo đạt 80%. * Kiến nghị đề xuất: - Đối với chính sách hỗ trợ chi phí thụ tinh nhân tạo đề nghị tiếp tục thực hiện chính sách, giữ nguyên theo Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 5/12/2018.

			- Đối với hỗ trợ phòng chống dịch bệnh: Công tác phòng, chống dịch bệnh cơ bản rất hiệu quả. Tuy nhiên việc hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn Thành phố thực hiện theo các chính sách về phòng, chống dịch bệnh chung của Trung ương (Các quy định của Luật Thú y, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thú y, các quyết định, văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm (Các quyết định của Thủ tướng Chính phủ số: <u>172/QĐ-TTg</u> ngày 13/02/2019; <u>972/QĐ-TTg</u> ngày 07/7/2020; <u>1632/QĐ-TTg</u> ngày 22/10/2020; <u>1814/QĐ-TTg</u> ngày 28/10/2021; <u>2151/QĐ-TTg</u> ngày 21/12/2021; <u>434/QĐ-TTg</u> ngày 24/3/2021...) Do vậy đề xuất hỗ trợ phòng chống dịch bệnh thực hiện theo chính sách chung của Thành phố để tránh chồng chéo.
6.2	Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, thủy sản tại các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân sản xuất trong vùng nông nghiệp chuyên canh tập trung, sử dụng các giống cây trồng, thủy sản đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thay thế các giống cây trồng, thủy sản có năng suất, chất lượng thấp hoặc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thủy sản theo quy hoạch, nằm trong chương trình, đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự toán thực hiện hàng năm.	Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 5/12/2018 của HĐND Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội, quy định nội dung và mức hỗ trợ: “- Hỗ trợ về giống: Được hỗ trợ một lần 50% chi phí mua giống lần đầu. Riêng giống hoa lan nuôi cấy mô, hoa lyly hỗ trợ một lần 20% chi phí mua giống lần đầu. - Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh: Đối với cây trồng: Hỗ trợ 50% chi phí bảo vệ thực vật trong năm đầu và 30% trong năm thứ	* Đánh giá hiệu quả: qua thực hiện chính sách đã hỗ trợ được 151 ha diện tích cây trồng, thủy sản, góp phần hình thành trên 200 vùng sản xuất lúa tập trung với diện tích khoảng 40.000 ha canh tác, diện tích mỗi vùng từ 50 ha trở lên, có những vùng đạt trên 300 ha; phát triển 76 xã chăn nuôi sản phẩm chủ lực; hình thành nhiều vùng nuôi trồng thủy sản tập trung quy mô lớn. * Đề xuất kiến nghị: - Đề xuất không thực hiện nội dung hỗ trợ chi phí hóa chất khử trùng tiêu độc ao nuôi do dự thảo Nghị quyết đã quy định hỗ trợ xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản (để tránh trùng

	b) Nội dung và mức hỗ trợ: - Hỗ trợ về giống: Được hỗ trợ một lần 50% chi phí mua giống cây trồng, thủy sản lần đầu. Riêng giống hoa lan nuôi cấy mô, hoa lily hỗ trợ một lần 20% chi phí mua giống lần đầu. - Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng: Hỗ trợ 50% chi phí bảo vệ thực vật trong năm đầu và 30% trong năm thứ hai. Hỗ trợ 70% chi phí bảo vệ thực vật trong năm đầu và 50% trong năm thứ hai chi phí bảo vệ thực vật khi sử dụng các chế phẩm sinh học, có nguồn gốc sinh học để phòng, chống dịch bệnh trong sản xuất trồng trọt an toàn. c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện.	hai bao gồm: Thuốc, công lao động, thuê máy. Hỗ trợ 70% chi phí trong năm đầu và 50% trong năm thứ hai chi phí bảo vệ thực vật khi sử dụng các chế phẩm sinh học, có nguồn gốc sinh học để phòng, chống dịch bệnh trong sản xuất rau, quả, chè an toàn. - Đối với thủy sản: Hỗ trợ 50% năm đầu và 30% năm thứ hai chi phí hóa chất khử trùng, tiêu độc một trường ao nuôi.”	lắp với chính sách bảo vệ môi trường).
7	Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp 1. Đối tượng, điều kiện áp dụng: a) Các tổ chức, cá nhân phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đáp ứng đúng đối tượng và điều kiện quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (gọi tắt là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP). b) Cam kết và có biện pháp nộp lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ trong trường hợp không thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch liên	Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	- Trong Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 không quy định cụ thể định mức chi để làm căn cứ hỗ trợ như (công lao động, công chuyên gia...giống vật tư..) và phương thức thực hiện, trình tự thực hiện mà vẫn quy định chung chung theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP, vì thế đến nay trên địa bàn Thành phố chưa hỗ trợ được dự án/kế hoạch liên kết nào hoàn chỉnh. Vì vậy đề xuất các nội dung chi và mức chi cụ thể để tháo gỡ khó khăn trên. - Về nội dung hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: + Chi khảo sát, điều tra: Vận dụng quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của

kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (như bảo lãnh thực hiện hợp đồng với cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất); c) Tổ chức, cá nhân chỉ được hưởng hỗ trợ theo 01 kế hoạch liên kết. d) Tổ chức, cá nhân đã được hưởng các nội dung hỗ trợ của ngân sách nhà nước trùng với nội dung hỗ trợ tại Điều này thì không được tiếp tục xem xét hỗ trợ, trừ trường hợp nội dung hỗ trợ được tính theo số chu kỳ sản xuất thì căn cứ số chu kỳ sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch liên kết trừ đi số chu kỳ đã được hỗ trợ. e) Đối với các đối tượng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021 – 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 thì thực hiện theo quy định riêng. 2. Nội dung và mức hỗ trợ: a) Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, gồm: - Chi khảo sát, điều tra xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện kế hoạch liên kết và các hộ có		HĐND Thành phố về nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách thành phố bảo đảm. + Chi nghiên cứu, lập và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện kế hoạch liên kết, phương án sản xuất: Vận dụng mức hỗ trợ quy định tại Điều 6 Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính về một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Mức chi hỗ trợ, giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 chu kỳ sản xuất: Vận dụng quy định tại Điều 29 Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông.
---	--	--

nhu cầu, điều kiện để tham gia kế hoạch liên kết, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 02 Quy định này. - Chi nghiên cứu, lập và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện kế hoạch liên kết, phương án sản xuất, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 Quy định này. b) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường thực hiện theo Điều 4 Quy định này. c) Chi hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 chu kỳ sản xuất, cụ thể: - Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí mua giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm cho các đối tượng tham gia chuỗi ở địa bàn miền núi. - Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí mua giống, vật tư, bao bì, nhãn mác cho các đối tượng tham gia chuỗi ở địa bàn đồng bằng. d) Mức hỗ trợ tối đa đối với 01 kế hoạch liên kết không vượt quá 50% tổng kinh phí thực hiện 01 kế hoạch liên kết. 3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách để thực hiện kế hoạch liên kết theo phân cấp thông qua đơn vị chủ trì liên kết từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục		
--	--	--

	tiêu quốc gia và Quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.		
8	Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 1. Đối tượng và điều kiện áp dụng: - Các tổ chức, cá nhân có dự án hoặc phương án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khi vay vốn của các tổ chức tín dụng. - Các công nghệ ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp thuộc Danh mục công nghệ cao theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển hoặc văn bản thay thế của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm hỗ trợ. 2. Nội dung, mức hỗ trợ: Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tiền độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng. 3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện. Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách.	1. Theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ: - Khoản 6 Điều 9 “Doanh nghiệp đầu tư các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.” 2. Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, quy định “Nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”	- Theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ: “Doanh nghiệp đầu tư các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường.” - Theo quy định tại Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính: “Nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.” Đến thời điểm hiện tại Trung ương chưa có định mức về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nên khó khăn trong việc hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân. Vì vậy đề xuất hỗ trợ lãi suất vay vốn khi thực hiện các dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để các tổ chức, cá nhân chủ động trong việc lập dự án và vay vốn tín dụng.

9	Chính sách hỗ trợ cấp mã số vùng trồng a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất trồng trọt trên địa bàn Thành phố sau khi được cấp Giấy chứng nhận cấp mã số vùng trồng theo quy định. b) Nội dung và mức hỗ trợ: - Hỗ trợ chi phí tư vấn cho cấp mã số vùng trồng lần đầu để lập giấy đăng ký cấp mã số vùng trồng, hướng dẫn ghi chép, lưu trữ hồ sơ về truy xuất nguồn gốc theo quy định tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng. Mức hỗ trợ 100% chi phí theo hợp đồng tư vấn nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/mã số, trong đó chi tiền thuê chuyên gia thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động thương binh và xã hội. - Hỗ trợ chi phí phân tích điều kiện sản xuất (đất trồng và nước tưới) cho cấp mã số vùng trồng lần đầu đối với các cơ sở chưa được cấp giấy đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các giấy chứng nhận tương đương. Mức hỗ trợ 100% chi phí theo thực tế nhưng tối đa không quá 7,5 triệu đồng/mã số. c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.	- Tại khoản 4 Điều 64 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai cấp mã số vùng trồng trên địa bàn theo lộ trình và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025. - Tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, hướng dẫn quản lý mã số vùng trồng được ban hành kèm theo Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Thông tư số 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 12/8/2022 về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.	- Tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025, thì việc được cấp mã vùng cho vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã là 1 trong những tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (Tiêu chí số 13.6 Phụ lục II); - Áp dụng Khoản 2 Điều 10 Mục 3 Thông tư số 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 12/8/2022: Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ.
10	Chính sách hỗ trợ máy móc, thiết bị để chuyển đổi số trong nông nghiệp	- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn	- Tại Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng chính phủ quy định

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: - Các tổ chức, cá nhân mua sắm, lắp đặt thiết bị giám sát và điều khiển dinh dưỡng tự động; thiết bị cảm biến; thiết bị quan trắc môi trường; mua camera, đường truyền, phần mềm để sản xuất nông nghiệp. - Các tổ chức, cá nhân phải cam kết sử dụng máy móc, thiết bị trong thời gian 5 năm, nếu bán phải hoàn lại phần kinh phí hỗ trợ của Nhà nước. b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 50% kinh phí mua sắm, lắp đặt thiết bị giám sát và điều khiển dinh dưỡng tự động; thiết bị cảm biến; thiết bị quan trắc môi trường; mua camera, đường truyền, phần mềm để vận hành hệ thống. Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/cơ sở. c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện. Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách.	thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, nông nghiệp là 1 trong 8 lĩnh vực được ưu tiên thực hiện chuyển đổi số. - Quyết định 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng chính phủ quy định giải pháp Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn - Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP ngày 15/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành về việc Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025. - Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành về việc Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến 2030.	lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số trong đó có chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, cụ thể: “<i>Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Xem xét thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số” với mục tiêu mỗi người nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo (giá, thời vụ, ...) nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.</i>” - Về mức hỗ trợ 50%: Vận dụng mức hỗ trợ tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định: “<i>Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa</i>” - Về mức trần 300 triệu: Trên cơ sở thực hiện tại một số cơ sở, hợp tác xã đã triển khai thực hiện chuyển đổi số và vận dụng khoản 2, Điều 29 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày
---	--	---

			26/8/2021 của Chính phủ quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị định này từ nguồn ngân sách địa phương.”
11	Chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp 1. Đối tượng, điều kiện áp dụng: a) Đối với trồng trọt: - Đối với hỗ trợ chế phẩm sinh học: Các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố thực hiện thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng, rơm rạ theo quy định hiện hành. - Đối với hỗ trợ thùng lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật: Các tổ chức, cá nhân sản xuất trong vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung chưa có thùng (bê) lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật. b) Đối với chăn nuôi: - Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi theo quy hoạch tại địa điểm được phép chăn nuôi theo Luật Chăn nuôi và quy định của Thành phố. - Đáp ứng các điều kiện về chăn nuôi trang trại quy mô lớn, vừa và nhỏ theo quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. c) Đối với thủy sản: Các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản trong vùng sản xuất nông nghiệp	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 29/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản giai đoạn 2021-2030; - Thông tư 19/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng; - Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác;	* Căn cứ đề xuất chính sách: - Tại Khoản 6 Điều 61 Luật Bảo vệ môi trường quy định: “Nhà nước có chính sách khuyến khích đổi mới mô hình, phương pháp sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm nước, hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học và sản phẩm xử lý môi trường trong nông nghiệp; phát triển mô hình nông nghiệp thân thiện môi trường”. - Khoản 2, Điều 5 Thông tư 19/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng quy định “Khuyến khích việc sử dụng chế phẩm sinh học, ứng dụng tiến bộ công nghệ, kỹ thuật mới trong quá trình xử lý phụ phẩm cây trồng.” - Tại Điều 5 Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác quy định: “Xử lý chất thải chăn nuôi: Quy định Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ trong chăn nuôi nông hộ được xử lý bằng một hoặc một nhóm các

chuyên canh tập trung. 2. Nội dung và mức hỗ trợ: a) Đối với trồng trọt: - Hỗ trợ 50% kinh phí mua chế phẩm sinh học để xử lý phụ phẩm cây trồng, rơm rạ làm phân bón và thức ăn chăn nuôi tối đa không quá 1,2 triệu đồng/ha. Hỗ trợ tối đa 02 lần/năm và trong 02 năm liên tiếp. - Hỗ trợ 01 lần kinh phí mua thùng chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (02 thùng/ha); hỗ trợ 100% chi phí xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật. b) Đối với chăn nuôi: Hỗ trợ 50% kinh phí mua chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi tối đa không quá 300 triệu đồng/tổ chức, cá nhân. Hỗ trợ tối đa 02 chu kỳ nuôi đối với lợn, gia cầm; 01 chu kỳ nuôi đối với trâu, bò. c) Đối với thủy sản: - Hỗ trợ 50% kinh phí mua sản phẩm xử lý môi trường nước trong nuôi thủy sản tối đa không quá 15 triệu đồng/ha. Hỗ trợ tối đa 02 năm liên tiếp. - Hỗ trợ 01 lần 50% kinh phí mua thiết bị làm giàu oxy xử lý môi trường nước nuôi trồng thủy sản, tối đa không quá 15 triệu đồng/ha. 3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện. Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách.		biện pháp sau: ủ compost, công nghệ khí sinh học (biogas), chế phẩm sinh học, đệm lót sinh học hoặc các giải pháp khác để sử dụng cho cây trồng;” - Điểm a Khoản 7 Điều 2 Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 29/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản giai đoạn 2021-2030 quy định " Căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương, chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án; ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ gia đình, cộng đồng ngư dân; chú trọng cơ chế chính sách thúc đẩy các hoạt động thủy sản theo hướng xanh, sạch, kinh tế tuần hoàn, phù hợp với nguồn lực của địa phương." * Về mức hỗ trợ 50%: Vận dụng Nghị định 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Khuyến nông. * Về mức trần hỗ trợ: Trên cơ sở tính toán thực tiễn. * Về số lần hỗ trợ: Đề xuất ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ một thời gian nhất định nhằm thay đổi nhận thức cho người dân về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp. * Riêng đối với nội dung hỗ trợ kinh phí mua thùng chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (02 thùng/ha); hỗ trợ 100% chi phí xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật và nội dung hỗ trợ kinh phí mua thiết bị làm giàu ôxy vùng nước nuôi trồng thủy sản, tối đa không quá 15 triệu đồng/ha:
--	--	--

			Giữ nguyên theo Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND.
12	Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình điểm phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm 1. Đối tượng, điều kiện áp dụng: - Các tổ chức, cá nhân có mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm đúng với quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý đất đai và phù hợp với phát triển kinh tế xã hội của địa phương; - Có phương án thiết kế, xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp với du lịch, trải nghiệm được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt; - Có phương án sản xuất kinh doanh cụ thể và cam kết sản xuất nông nghiệp theo quy trình sản xuất VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ hoặc tương đương; cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường. - Quy mô: Tối thiểu 5 ha/mô hình. 2. Nội dung, mức hỗ trợ: - Hỗ trợ 100% tư vấn thiết kế xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/mô hình. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo khoản b Điều 10 tại Quy định này. - Hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn cho các đối tượng tham gia thực hiện mô hình về sản xuất nông nghiệp, nghiệp vụ hoạt động du lịch. Mức	- Nghị quyết số 19-NQ/TU của Ban Chấp hành T.Ư Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - Quyết định 922/QĐ-TTg ngày 2/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025. - Điều 20 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ tài chính về <i>thực hiện chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới</i>. - Chương trình 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về việc đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025.	* Căn cứ đề xuất chính sách: - Nghị quyết số 19-NQ/TU của Ban Chấp hành T.Ư Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Hà Nội tập trung phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp với du lịch cho hiệu quả kinh tế cao - Quyết định 922/QĐ-TTg ngày 2/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025. Trong đó có nhiệm vụ: "<i>Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững</i>". - Điều 20 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính về chi thực hiện chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới quy định "<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao</i>". - Tại Chương trình 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội thực hiện mục tiêu đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, ngành nghề nông thôn gắn với du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm.

hỗ trợ theo Điều 4 của Quy định này. - Hỗ trợ máy móc, thiết bị chuyển đổi số: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy định này. - Hỗ trợ 50% kinh phí mua cây hoa, cây cảnh, sinh vật cảnh để tạo cảnh quan phục vụ du lịch giáo dục trải nghiệm về nông nghiệp. - Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền, quảng bá hình ảnh về mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch trải nghiệm. - Tổng mức hỗ trợ 01 mô hình tối đa không quá 3 tỷ đồng. 3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện. Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách.		* Về nội dung và mức hỗ trợ: - Hỗ trợ 100% tư vấn thiết kế xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/mô hình: Vận dụng theo Khoản 1 Điều 7 Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ. - Hỗ trợ tập huấn: Nội dung này có tính chất tương tự chính sách hỗ trợ tập huấn tại dự thảo Nghị quyết này. - Hỗ trợ máy móc, thiết bị chuyển đổi số: Thực hiện theo Điều 13 của Quy định tại dự thảo Nghị quyết. - Hỗ trợ mua cây hoa, cây cảnh, sinh vật cảnh: Vận dụng mức hỗ trợ quy định tại Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 7/5/2018. - Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, quảng bá: Vận dụng quy định về nội dung chi và mức chi hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội tại Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND. - Mức trần hỗ trợ: Trên cơ sở tính toán thực tiễn để đề xuất mức trần hỗ trợ.
---	--	---

PHỤ LỤC 2
TỔNG KINH PHÍ DỰ KIẾN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH
PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Tờ trình số 189 /TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023 của UBND Thành phố Hà Nội)

ĐVT: 1000 đồng

TT	NỘI DUNG	Tổng kinh phí	Ngân sách Thành phố		Ngân sách Huyện	Đối ứng của tổ chức, cá nhân
			Ngân sách TP thực hiện	Cấp bổ sung cho ngân sách cấp Huyện		
1	Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường	27,975,000	9,325,000		18,650,000	
2	Chính sách khuyến khích sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	168,750,000	41,875,000			126,875,000
2.1	Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản. (5 cơ sở, mỗi cơ sở đầu tư 10 tỷ đồng thì được hỗ trợ 1 tỷ đồng/cơ sở x 5 cơ sở)	55,000,000	5,000,000			50,000,000
2.2	Hỗ trợ theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp	60,000,000	10,000,000			50,000,000
2.3	Hỗ trợ nhập khẩu giống vật nuôi, thủy sản	53,750,000	26,875,000			26,875,000
3	Chính sách khuyến khích xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản	143,000,000	13,000,000			130,000,000
3.1	Tổ chức (8 cơ sở, mỗi cơ sở đầu tư 10 tỷ đồng thì được hỗ trợ 1 tỷ đồng/cơ sở x 8 cơ sở)	88,000,000	8,000,000			80,000,000
3.2	Cá nhân (10 cơ sở, mỗi cơ sở đầu tư 5 tỷ đồng thì được hỗ trợ 500 triệu đồng/cơ sở x 10 cơ sở)	55,000,000	5,000,000			50,000,000
4	Chính sách hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	130,000,000	20,000,000			110,000,000
4.1	Hỗ trợ lãi suất (4 cơ sở, mỗi cơ sở đầu tư 25 tỷ đồng thì được hỗ trợ 2.5 tỷ đồng/cơ sở x 4 cơ sở)	110,000,000	10,000,000			100,000,000
4.2	Hỗ trợ chi phí giết mổ	20,000,000	10,000,000			10,000,000

TT	NỘI DUNG	Tổng kinh phí	Ngân sách Thành phố		Ngân sách Huyện	Đối ứng của tổ chức, cá nhân
			Ngân sách TP thực hiện	Cấp bổ sung cho ngân sách cấp Huyện		
5	Chính sách thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp	173.000.000	2.500.000	85.250.000		85.250.000
5.1	Hỗ trợ tín dụng	2.500.000	2.500.000			
5.2	Hỗ trợ mua máy cấy phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa (Mức hỗ trợ 200 triệu đồng/máy x 220 máy cấy/năm)	88.000.000		44.000.000		44.000.000
5.3	Hỗ trợ chi phí cây máy, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái (Mức hỗ trợ cây máy 2 triệu đồng/ha + phun thuốc BVTV 500 nghìn đồng/ha. Tương đương 2.500 nghìn đồng/ha x 16.500 ha/năm)	82.500.000		41.250.000		41.250.000
6	Chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản	47.630.000	30.000.000		10.130.000	7.500.000
6.1	Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi	30.000.000	30.000.000			
6.2	Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, thủy sản tại các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung	17.630.000			10.130.000	7.500.000
7	Hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	60.000.000	15.000.000		15.000.000	30.000.000
8	Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (8 cơ sở, mỗi cơ sở đầu tư 15 tỷ thì được hỗ trợ 1,5 tỷ/cơ sở x 8 cơ sở)	132.000.000		12.000.000		120.000.000
9	Chính sách hỗ trợ cấp, quản lý mã số vùng trồng	3.061.600	3.061.600			
10	Chính sách hỗ trợ máy móc, thiết bị chuyển đổi số trong nông nghiệp (Hỗ trợ 80-90 cơ sở/năm, mỗi cơ sở không quá 300 triệu đồng)	50.000.000		25.000.000		25.000.000
11	Chính sách hỗ trợ bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp	80.523.200		40.261.600		40.261.600
12	Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình điểm phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm	108.000.000		18.000.000		90.000.000
	Tổng	1.123.939.800	134.761.600	180.511.600	43.780.000	764.886.600

Số /2023/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích
phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ ...**

(Từ ngày/7 đến ngày/7/2023)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018, Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018, Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định về một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức thực hiện Quy định tại Nghị quyết này.

2. Chỉ đạo các cấp, các ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thông tin, tuyên truyền, thông báo công khai, rộng rãi nội dung chính sách hỗ trợ, xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phát triển nông nghiệp trên địa bàn Thành phố, lập dự toán ngân sách hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách của Thành phố để triển khai thực hiện chính sách. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, tham mưu Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

4. Tổ chức kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các vi phạm trong việc thực hiện chính sách.

5. Giao cơ quan thực hiện chính sách xây dựng quy trình nội bộ thực hiện hỗ trợ để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tham gia tuyên truyền và giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy định kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội. Các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phát triển nông nghiệp đang thực hiện theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 5 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thì được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc chương trình, kế hoạch, đề án, dự án.

Trong giai đoạn 2019 – 2023, các đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ của ngân sách nhà nước trùng với chính sách hỗ trợ theo Quy định tại Nghị quyết này thì không được tiếp tục xem xét hỗ trợ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ thông qua ngày, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, NN và PTNT;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQTP;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban của Thành ủy;
- VP HĐNDTP, VP UBNDTP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công GTĐT TP; Công báo Thành phố;
- Trang web của HĐND Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

QUY ĐỊNH

Một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trung tâm dịch vụ (gọi chung là tổ chức); hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là cá nhân) trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn Thành phố.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Đối với máy móc, thiết bị được hỗ trợ phải là máy móc, thiết bị mới, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng được tiêu chuẩn cơ sở đã công bố hoặc tiêu chuẩn Việt Nam (nếu có).

2. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ điều kiện được hỗ trợ, các cam kết (nếu có) theo Quy định này, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực trong kê khai hồ sơ và các quy định của pháp luật có liên quan. Các cơ quan quyết định hỗ trợ quy định chế tài xử lý trong trường hợp các tổ chức, cá nhân vi phạm cam kết (nếu có).

3. Ngoài các nội dung chính sách nêu trên, các đối tượng thụ hưởng chính sách được hưởng các chính sách khác của Trung ương và Thành phố theo quy định nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách chỉ được lựa chọn một mức hỗ trợ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

- Đơn vị, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao tập huấn theo kế hoạch, dự toán hàng năm.

- Giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật tham gia giảng dạy; cán bộ quản lý lớp tập huấn.

- Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động trực tiếp trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình sản xuất, chế biến, bảo quản, liên kết chuỗi sản phẩm nông nghiệp. Mỗi học viên được hỗ trợ tham gia 01 lần/01 nội dung tập huấn.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp tập huấn; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện đi thực tế, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp tập huấn; vật tư thực hành (nếu có): Mức chi theo đơn giá, định mức chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo hợp đồng thực tế.

- Chi bồi dưỡng giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học):

- + Giảng viên là tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh, thành phố trả tiền công giảng dạy mức 1.200.000 đồng/buổi.

- + Giảng viên có trình độ thạc sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp hoặc tương đương trả tiền công giảng dạy mức 1.000.000 đồng/buổi.

- + Giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật có trình độ kỹ sư và tương đương trả tiền công giảng dạy, mức 600.000 đồng/buổi.

- Chi hỗ trợ cho học viên:

- Hỗ trợ tiền ăn 50.000 đồng/ngày/học viên.

- Hỗ trợ tiền đi lại đối với học viên học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên theo mức 150.000 đồng/học viên/lớp tập huấn.

- Thời gian tập huấn: Tối đa không quá 03 ngày/lớp. Đối với các lớp tập huấn đã quy định trong chương trình khung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn: Nội dung và thời gian thực hiện theo Chương trình khung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Huyện, Thành phố.

Điều 5. Chính sách khuyến khích sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản

1. Hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản

1.1. Hỗ trợ tín dụng

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn Thành phố, đáp ứng các điều kiện về sản xuất giống theo quy định của pháp luật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tiến độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng.

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.

1.2. Hỗ trợ theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp

a) Đối tượng áp dụng: Theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ Tài Chính về quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất trong chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Áp dụng nội dung và mức hỗ trợ cao nhất theo quy định tại Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ Tài Chính; Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Quy định này).

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.

2. Hỗ trợ nhập khẩu giống vật nuôi, thủy sản

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức nhập khẩu giống vật nuôi, thủy sản để sản xuất giống trên địa bàn Thành phố đáp ứng các điều kiện về sản xuất giống theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thủy sản.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Đối với chăn nuôi: Hỗ trợ 50% kinh phí nhập khẩu giống bò thuần chủng, giống lợn cụ ky, ông bà năng suất chất lượng cao tối đa không quá 5 tỷ đồng/ doanh nghiệp, hợp tác xã. Mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 lần.

- Đối với thủy sản: Hỗ trợ 50% kinh phí nhập khẩu giống gốc thủy sản thuần chủng, giống thủy sản bố mẹ tối đa không quá 1 tỷ đồng/ doanh nghiệp, hợp tác xã. Mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 lần.

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.

Điều 6. Chính sách khuyến khích xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân cải tạo, nâng cấp, xây mới cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản theo quy hoạch đáp ứng các điều kiện về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tiến độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

- Đối với hỗ trợ lãi suất: Các tổ chức, cá nhân xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp.

- Đối với hỗ trợ chi phí giết mổ: Các tổ chức, cá nhân có cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp, bán công nghiệp trong “Mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội”, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành. Có sản lượng giết mổ thực tế đạt tối thiểu: 2.000 con lợn/tháng hoặc 10.000 con gia cầm/tháng hoặc 500 con trâu, bò/tháng.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Đối với hỗ trợ lãi suất: Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tiến độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng.

- Đối với hỗ trợ chi phí giết mổ: Các tổ chức, cá nhân có cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp, bán công nghiệp không được hỗ trợ lãi suất thì được hỗ trợ chi phí giết mổ tính trên đầu con gia súc, gia cầm trong thời hạn 3 năm (36 tháng): Mức hỗ trợ đối với giết mổ công nghiệp 25.000 đồng/con lợn, 80.000 đồng/con trâu, bò, 1.100 đồng/con gia cầm; đối với giết mổ bán công nghiệp 20.000 đồng/con lợn, 75.000 đồng/con trâu, bò, 1.000 đồng/con gia cầm.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.

Điều 8. Chính sách thực hiện cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp

1. Hỗ trợ tín dụng

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khi mua các loại máy móc, thiết bị cơ khí phục vụ sản xuất và chế biến trong nông nghiệp bao gồm: Máy làm đất; máy gieo cấy; máy gặt đập liên hợp; máy sấy; máy làm lạnh nhanh; máy nghiền; máy phun thuốc có động cơ; thiết bị bay không người lái, hệ thống tưới tiết kiệm; máy phát điện chạy bằng khí sinh học; máy vắt sữa; máy thái cỏ; hệ thống làm mát chuồng trại; hệ thống cho ăn tự động; thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường; thiết bị tạo oxy trong nuôi trồng thủy sản.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: 100% phí quản lý khi vay vốn Quỹ khuyến nông Thành phố, 100% lãi suất vay theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thời hạn vay tối đa là 03 năm (36 tháng).

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.

2. Hỗ trợ mua máy cấy phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức không nhận hỗ trợ theo Khoản 1 Điều này khi mua máy cấy, trực tiếp phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa. Cam kết sử dụng máy móc trong thời gian 3 năm (36 tháng), nếu bán phải hoàn lại phần kinh phí hỗ trợ của Nhà nước.

b) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa không quá 50% kinh phí cho tổ chức để đầu tư mới máy cấy. Kinh phí hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/máy cấy. Tối đa 10 máy cấy/tổ chức.

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện. Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách.

3. Hỗ trợ kinh phí cấy máy, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân khi cấy lúa bằng máy và phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái.

b) Nội dung, mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 50% kinh phí cấy lúa bằng máy (công cấy), tối đa không quá 2 triệu đồng/ha, thời gian hỗ trợ tối đa không quá 2 vụ sản xuất liên tiếp/diện tích.

- Hỗ trợ 50% kinh phí phun thuốc bảo vệ thực vật bằng thiết bị bay không người lái (công phun), tối đa không quá 250 nghìn đồng/ha/lần phun, hỗ trợ tối đa không quá 2 lần/vụ và không quá 4 lần/diện tích.

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện. Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Điều 9. Chính sách chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản

1. Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân sử dụng các giống vật nuôi đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có phẩm cấp chất lượng từ giống xác nhận trở lên để thay thế các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng thấp hoặc chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, nằm trong chương trình, đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự toán thực hiện hàng năm.

b) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% các chi phí thụ tinh nhân tạo (gồm: Liều tinh, Nitor, dụng cụ phối giống, công phối giống) trên địa bàn Thành phố khi phối giống bằng tinh bò sữa, bò thịt chất lượng cao, tinh lợn giống cao sản.

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.

2. Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thủy sản tại vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung

a) Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân sản xuất trong vùng nông nghiệp chuyên canh tập trung, sử dụng các giống cây trồng, thủy sản đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thay thế các giống cây trồng, thủy sản có năng suất, chất lượng thấp hoặc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thủy sản theo quy hoạch, nằm trong chương trình, đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự toán thực hiện hàng năm.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ về giống: Được hỗ trợ một lần 50% chi phí mua giống cây trồng, thủy sản lần đầu. Riêng giống hoa lan nuôi cấy mô, hoa lily hỗ trợ một lần 20% chi phí mua giống lần đầu.

- Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh đối với cây trồng: Hỗ trợ 50% chi phí bảo vệ thực vật trong năm đầu và 30% trong năm thứ hai. Hỗ trợ 70% chi phí bảo vệ thực vật trong năm đầu và 50% trong năm thứ hai chi phí bảo vệ thực vật khi sử dụng các chế phẩm sinh học, có nguồn gốc sinh học để phòng, chống dịch bệnh trong sản xuất trồng trọt an toàn.

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện.

Điều 10. Chính sách hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

- Các tổ chức, cá nhân phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đáp ứng đúng đối tượng và điều kiện quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (gọi tắt là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

- Cam kết và có biện pháp nộp lại toàn bộ kinh phí hỗ trợ trong trường hợp không thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (như bảo lãnh thực hiện hợp đồng với cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất);

- Tổ chức, cá nhân chỉ được hưởng hỗ trợ theo 01 kế hoạch liên kết.

- Tổ chức, cá nhân đã được hưởng các nội dung hỗ trợ của ngân sách nhà nước trùng với nội dung hỗ trợ tại Điều này thì không được tiếp tục xem xét hỗ trợ, trừ trường hợp nội dung hỗ trợ được tính theo số chu kỳ sản xuất thì căn cứ số chu kỳ sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch liên kết trừ đi số chu kỳ đã được hỗ trợ.

- Đối với các đối tượng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021 – 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 thì thực hiện theo quy định riêng.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, gồm:

- Chi khảo sát, điều tra xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện kế hoạch liên kết và các hộ có nhu cầu, điều kiện đề tham gia kế hoạch liên kết, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 02 Quy định này.

- Chi nghiên cứu, lập và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện kế hoạch liên kết, phương án sản xuất, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 Quy định này.

b) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường thực hiện theo Điều 4 Quy định này.

c) Chi hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 chu kỳ sản xuất, cụ thể:

- Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí mua giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm cho các đối tượng tham gia chuỗi ở địa bàn miền núi.

- Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí mua giống, vật tư, bao bì, nhãn mác cho các đối tượng tham gia chuỗi ở địa bàn đồng bằng.

d) Mức hỗ trợ tối đa đối với 01 kế hoạch liên kết không vượt quá 50% tổng kinh phí thực hiện 01 kế hoạch liên kết.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng chính sách để thực hiện kế hoạch liên kết theo phân cấp thông qua đơn vị chủ trì liên kết từ nguồn chi thường xuyên theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Điều 11. Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

1. Đối tượng và điều kiện áp dụng:

- Các tổ chức, cá nhân có dự án hoặc phương án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao khi vay vốn của các tổ chức tín dụng.

- Các công nghệ ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp thuộc Danh mục công nghệ cao theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển hoặc văn bản thay thế của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm hỗ trợ.

2. Nội dung, mức hỗ trợ: Được hỗ trợ 01 lần 100% lãi suất vay trong thời hạn 03 năm (36 tháng) theo hợp đồng vay vốn nhưng không vượt quá lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn, tiền độ hỗ trợ theo kỳ trả lãi của ngân hàng.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện. Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Điều 12. Chính sách hỗ trợ cấp mã số vùng trồng

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng: Các tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất trồng trọt trên địa bàn Thành phố sau khi được cấp Giấy chứng nhận cấp mã số vùng trồng theo quy định.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ chi phí tư vấn cho cấp mã số vùng trồng lần đầu để lập giấy đăng ký cấp mã số vùng trồng, hướng dẫn ghi chép, lưu trữ hồ sơ về truy xuất nguồn gốc theo quy định tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành tài liệu hướng dẫn tạm thời về cấp, quản lý mã số vùng trồng. Mức hỗ trợ 100% chi phí theo hợp đồng tư vấn nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/mã số, trong đó chi tiền thuê chuyên gia thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động thương binh và xã hội.

- Hỗ trợ chi phí phân tích điều kiện sản xuất (đất trồng và nước tưới) cho cấp mã số vùng trồng lần đầu đối với các cơ sở chưa được cấp giấy đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc các giấy chứng nhận tương đương. Mức hỗ trợ 100% chi phí theo thực tế nhưng tối đa không quá 7,5 triệu đồng/mã số.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp Thành phố.

Điều 13. Chính sách hỗ trợ máy móc, thiết bị để chuyển đổi số trong nông nghiệp

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

- Các tổ chức, cá nhân mua sắm, lắp đặt thiết bị giám sát và điều khiển dinh dưỡng tự động; thiết bị cảm biến; thiết bị quan trắc môi trường; mua camera, đường truyền, phần mềm để sản xuất nông nghiệp.

- Các tổ chức, cá nhân phải cam kết sử dụng máy móc, thiết bị trong thời gian 5 năm, nếu bán phải hoàn lại phần kinh phí hỗ trợ của Nhà nước.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm, lắp đặt thiết bị giám sát và điều khiển dinh dưỡng tự động; thiết bị cảm biến; thiết bị quan trắc môi trường; mua camera, đường truyền, phần mềm để vận hành hệ thống. Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/cơ sở. Mỗi đối tượng được hỗ trợ 01 lần.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện. Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Điều 14. Chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

a) Đối với trồng trọt:

- Đối với hỗ trợ chế phẩm sinh học: Các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố thực hiện thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng, rom rạ theo quy định hiện hành.

- Đối với hỗ trợ thùng lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật: Các tổ chức, cá nhân sản xuất trong vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung chưa có thùng (bể) lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

b) Đối với chăn nuôi:

- Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi theo quy hoạch tại địa điểm được phép chăn nuôi theo Luật Chăn nuôi và quy định của Thành phố.

- Đáp ứng các điều kiện về chăn nuôi trang trại quy mô lớn, vừa và nhỏ theo quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

c) Đối với thủy sản: Các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản trong vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Đối với trồng trọt:

- Hỗ trợ 50% kinh phí mua chế phẩm sinh học để xử lý phụ phẩm cây trồng, rom rạ làm phân bón và thức ăn chăn nuôi tối đa không quá 1,2 triệu đồng/ha. Hỗ trợ tối đa 02 lần/năm và trong 02 năm liên tiếp.

- Hỗ trợ 01 lần kinh phí mua thùng chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (02 thùng/ha); hỗ trợ 100% chi phí xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

b) Đối với chăn nuôi: Hỗ trợ 50% kinh phí mua chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi tối đa không quá 300 triệu đồng/tổ chức, cá nhân. Hỗ trợ tối đa 02 chu kỳ nuôi đối với lợn, gia cầm; 01 chu kỳ nuôi đối với trâu, bò.

c) Đối với thủy sản:

- Hỗ trợ 50% kinh phí mua sản phẩm xử lý môi trường nước trong nuôi thủy sản tối đa không quá 15 triệu đồng/ha. Hỗ trợ tối đa 02 năm liên tiếp.

- Hỗ trợ 01 lần 50% kinh phí mua thiết bị làm giàu oxy xử lý môi trường nước nuôi trồng thủy sản, tối đa không quá 15 triệu đồng/ha.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện. Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Điều 15. Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình điểm phát triển nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng:

- Các tổ chức, cá nhân có mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm đúng với quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý đất đai và phù hợp với phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

- Có phương án thiết kế, xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp với du lịch, trải nghiệm được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

- Có phương án sản xuất kinh doanh cụ thể và cam kết sản xuất nông nghiệp theo quy trình sản xuất VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ hoặc tương đương; cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Quy mô: Tối thiểu 5 ha/mô hình.

2. Nội dung, mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% tư vấn thiết kế xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/mô hình. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo khoản b Điều 10 tại Quy định này.

- Hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn cho các đối tượng tham gia thực hiện mô hình về sản xuất nông nghiệp, nghiệp vụ hoạt động du lịch. Mức hỗ trợ theo Điều 4 của Quy định này.

- Hỗ trợ máy móc, thiết bị chuyển đổi số: Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy định này.

- Hỗ trợ 50% kinh phí mua cây hoa, cây cảnh, sinh vật cảnh để tạo cảnh quan phục vụ du lịch giáo dục trải nghiệm về nông nghiệp.

- Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền, quảng bá hình ảnh về mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch trải nghiệm.

- Tổng mức hỗ trợ 01 mô hình tối đa không quá 3 tỷ đồng.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng chính sách từ ngân sách cấp huyện. Ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Kế hoạch, phương án hỗ trợ

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện chính sách: Tổ chức rà soát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thuộc đối tượng áp dụng đáp ứng đủ điều kiện, xây dựng kế hoạch hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Căn cứ kế hoạch được duyệt cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện hỗ trợ theo quy định.

Điều 17. Phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Cơ quan được giao thực hiện hỗ trợ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc sử dụng kinh phí để hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định; thực hiện thanh quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm đảm bảo thực hiện đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy định này để được nhận hỗ trợ./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC 01

QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT GIỐNG PHỤC VỤ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP

*(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày /7/2023 của Hội đồng
nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia

1.1 Ngân sách Thành phố đảm bảo tối đa 100% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và tổ chức thực hiện, căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

- a) Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các đơn vị thực hiện;
- b) Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để cung cấp vật liệu nhân giống do các đơn vị thực hiện;
- c) Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có);
- d) Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành;
- đ) Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống;
- e) Kiểm soát chất lượng giống;
- g) Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

1.2. Ngân sách Thành phố hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện các dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và tổ chức thực hiện, cụ thể như sau:

- a) Đối với lĩnh vực trồng trọt
 - Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1.
 - Hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng.
- b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ.
- c) Đối với lĩnh vực lâm nghiệp:
 - Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống.

- Hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô.

d) Đối với lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống.

2. Đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác

- Việc lựa chọn các giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác tại địa phương để hỗ trợ theo chính sách này do Ủy ban nhân dân Thành phố căn cứ yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể xem xét, quyết định.

- Nội dung, tỷ lệ hỗ trợ bằng 70% mức đảm bảo kinh phí và hỗ trợ kinh phí quy định tương ứng tại mục 1 Phụ lục này.

PHỤ LỤC 02

CHI KHẢO SÁT, ĐIỀU TRA XÁC ĐỊNH, LỰA CHỌN ĐỊA BÀN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT VÀ CÁC HỘ CÓ NHU CẦU, ĐIỀU KIỆN ĐỀ THAM GIA KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Nội dung	Mức chi
1	Chi xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu điều tra	Thực hiện theo Phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố về nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách thành phố bảo đảm
2	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả khảo sát, điều tra	
3	Chi tiền công khảo sát điều tra	
-	Chi tiền công khảo sát điều tra	
-	Chi tiền công cho người dẫn đường	
4	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin	
a)	Đối với cá nhân	
-	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	
-	Trên 40 chỉ tiêu	
b)	Đối với tổ chức (Không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định)	
-	Dưới 30 chỉ tiêu hoặc 30 chỉ tiêu	
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	
-	Trên 40 chỉ tiêu	
c)	Đối tượng cung cấp thông tin là cơ quan, đơn vị của nhà nước	
5	Chi vận chuyển tài liệu khảo sát, điều tra, thuê xe phục vụ khảo sát điều tra	
1.6.	Chi xử lý kết quả khảo sát điều tra	
1.7.	Các khoản chi khác liên quan đến khảo sát, điều tra (Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác khảo sát điều tra)	

PHỤ LỤC 03

CHI NGHIÊN CỨU, LẬP VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHI TIẾT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH LIÊN KẾT, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Chức danh/Nội dung công việc	Đơn vị tính	Hệ số lao động
	Hệ số công lao động của các chức danh xây dựng nhiệm vụ kế hoạch liên kết		Thực hiện theo Điều 6 Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính về một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Người	
2	Thư ký	Người	
3	Thành viên chính	Người	
4	Thành viên	Người	
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Người	